

ĐỊNH HƯỚNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC PHỤC VỤ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2030

Hồ Văn Thống¹

Tóm tắt. Bài viết bàn về vai trò mới của người giáo viên trước tác động của hội nhập quốc tế và yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đồng thời, thông qua kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ Nafosted, cấp Bộ, cấp tỉnh, bài viết đề cập đến quá trình phát triển và thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long; từ đó, đề xuất định hướng vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

Từ khóa: Định hướng; Vấn đề nghiên cứu khoa học; Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

1. Đặt vấn đề

Để đảm bảo thành công thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhân tố giữ vị trí then chốt, quyết định chính là chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Theo đó, hoạt động dạy học ở trường phổ thông đòi hỏi người giáo viên cần đáp ứng nhiều năng lực khác nhau như: năng lực khoa học, năng lực hiểu trình độ học sinh, năng lực thiết kế tài liệu học tập, năng lực ngôn ngữ, năng lực nắm vững kỹ thuật dạy học. Đây chính là ẩn số của bài toán phát triển, đòi hỏi chúng ta cần sớm tìm lời giải để khắc phục những bất cập, hạn chế đang tồn tại nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung bàn về yêu cầu đặt ra đối với người giáo viên trong bối cảnh mới; đồng thời, thông qua kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ Nafosted, cấp Bộ, cấp tỉnh, bài viết đề cập đến quá trình phát triển và thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long, từ đó đề xuất định hướng vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030.

2. Luận cứ khoa học của định hướng vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long

2.1. Về vai trò mới của người giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018

Là trọng tài chuyên môn: Người giáo viên phải thường xuyên tự học, cập nhật kiến thức, bồi dưỡng chuyên môn để cung cấp lượng kiến thức khoa học, chính xác, đầy đủ cho người học và là trọng tài trong các hoạt động thuộc về lĩnh vực kiến thức ở các giờ dạy (thuyết trình, thảo luận, thực hành, seminar...)
(Thomas Armstrong, 2011).

Đồng thời; người giáo viên cần gợi mở, hướng dẫn, tổ chức các hoạt động tìm hiểu, tranh luận của người học, hướng dẫn giúp đỡ người học đến với tri thức khoa học bằng con đường đi tốt nhất, ngắn nhất và trên con đường đó luôn có sự đổi mới phương pháp của người giáo viên.

Là huấn luyện viên: Người giáo viên phải biết cách “kích thích” những hiểu biết của người học, gợi mở cho người học suy nghĩ và dẫn dắt người học hiểu biết để có thể vượt qua được những khó khăn, thử thách

Ngày nhận bài: 07/09/2022. Ngày nhận đăng: 23/10/2022.

¹Trường Đại học Đồng Tháp
e-mail: hvthong@dthu.edu.vn

trong học tập; tạo cơ hội cho người học có đủ điều kiện để tự suy nghĩ, tìm hiểu và có khả năng tự quyết định trong các vấn đề nảy sinh (Thomas Armstrong, 2011). Có thể nhiều khái niệm, công thức... được học sẽ bị quên đi và không được sử dụng, nhưng cách tư duy, phương pháp học, kỹ năng ứng xử, chiến lược triển khai công việc sẽ được củng cố và phát triển trong quãng đời sau của người học.

Là người cố vấn học tập: Với vai trò là người cố vấn, mỗi giáo viên phải luôn theo sát hoạt động nhận thức của học sinh “suy ngẫm về các phương pháp dạy học hay nhất của bản thân và hiểu thấu đáo vì sao các phương pháp đó là hiệu quả hoặc chỉ hiệu quả với trò này mà không hiệu quả với trò kia” (Thomas Armstrong, 2011) để khi người học gặp khó khăn, kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ bằng những định hướng phù hợp, gợi ý cụ thể; phải nỗ lực để xác định “tầm nhìn” và phải cố gắng tạo cho nhóm người học có tinh thần đồng đội; tìm cách cổ vũ người học, đưa ra những lời khuyên kịp thời có tính xây dựng để người học hành động hướng tới tầm nhìn đó; đưa lời nhận xét phản hồi ý nghĩa để nâng cao thành tích học tập của học sinh.

Là người quản lý quá trình học tập, đánh giá giáo dục: Trong nhà trường hiện đại, cùng một lúc người học có thể tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau. Vì thế, người giáo viên phải điều phối công việc, kết nối con người, đồ dùng học tập, phương tiện giảng dạy và người học có tính hệ thống, hiệu quả; phải thiết kế các bài kiểm tra phù hợp với yêu cầu, mục đích và kết quả học tập của người học bên cạnh yêu cầu đánh giá người học công bằng, chính xác, lên kế hoạch và áp dụng những phương pháp kiểm tra hiệu quả gồm: đánh giá chính thức hoặc không chính thức và đánh giá trong suốt quá trình học tập với đánh giá cuối khóa - Là nhà tâm lý học đường: Trong môi trường giáo dục, người giáo viên được học sinh tin yêu có lúc sẽ trở thành chuyên gia tư vấn tâm lý trong rất nhiều tình huống như: lựa chọn ngành nghề, chọn bạn, mâu thuẫn nhóm, xung đột trong gia đình, tình yêu học đường... Vì vậy, trong nhà trường phổ thông hiện đại, giáo viên cũng là nhà tâm lý. Lúc này, nhiệm vụ của nhà tư vấn tâm lý là phải biết lắng nghe thân chủ, làm chủ các cuộc trò chuyện trong các cuộc gặp gỡ, tư vấn; thể hiện sự thông cảm, thấu hiểu với thân chủ, “thể hiện với học sinh rằng, họ không chỉ quan tâm đến những gì diễn ra trong lớp học mà quan tâm đến cả đời sống học sinh nói chung” (Thomas Armstrong, 2011) để tìm ra hướng giải quyết tốt nhất cho vấn đề học sinh gặp phải; quan tâm đến học sinh trước hết là con người, sau mới là người học, tôn trọng mỗi học sinh như một con người đặc biệt; làm việc với học sinh chứ không phải làm các việc vì học sinh hay cho học sinh; không phân biệt sắc tộc, giới tính, địa vị, nền tảng văn hóa, đối xử công bằng với mọi học sinh.

2.2. Tổng quan về thực trạng đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long

2.2.1. Về quá trình đào tạo đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long

Từ năm 1975 đến 1999, đội ngũ giáo viên ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long được đào tạo với nhiều nguồn khác nhau; trong đó, giáo viên trung học phổ thông (THPT) được đào tạo chủ yếu từ Trường Đại học sư phạm (ĐHSP) Thành phố Hồ Chí Minh và Trường ĐH Cần Thơ, giáo viên trung học cơ sở (THCS) và tiểu học được đào tạo ở 11 trường cao đẳng SP và trung học SP trong vùng. Đáng lưu ý, nhiều giáo viên tiểu học và THCS trong khoảng thời gian này được “ra lò” từ các khóa đào tạo cấp tốc (giải pháp tình thế) với trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng; một thời gian dài (từ năm 1980 đến 2000) phải sử dụng giáo viên “dạy kê” (giáo viên tiểu học dạy lớp đầu cấp THCS, giáo viên THCS dạy lớp đầu cấp THPT) đã để lại nhiều bất cập, khó khăn trước nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục; tuy nhiên, cần nhìn nhận một cách thấu đáo rằng, chính đội ngũ giáo viên này đã đóng góp to lớn cho sự phát triển giáo dục ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long.

Sau năm 2000, hầu hết các trường cao đẳng SP ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long được nâng cấp lên ĐH và các trường này tiếp tục tham gia đào tạo giáo viên như: Trường ĐH An Giang (1999), Trường ĐH Đồng Tháp (2003), Trường ĐH Tiền Giang (2005), Trường ĐH Trà Vinh (2005), Trường ĐH Bạc Liêu (2006); theo đó, rất nhiều giáo viên ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long được chuẩn hóa từ trung cấp lên cao đẳng và ĐH (trong đó, có phương thức đào tạo từ xa); do vậy, về trình độ đào tạo đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay, hầu hết đều đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục. Và đến thời điểm hiện nay, số giáo viên được đào tạo trong giai đoạn từ năm 2000 trở về

trước đang trong độ tuổi tiếp tục công tác khoảng 5 đến 15 năm; tuy nhiên, số giáo viên này gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận đổi mới, và đây là trở ngại không nhỏ khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long

Mặt khác, cần nhận thức sâu sắc rằng, khu vực đồng bằng Sông Cửu Long đang nằm trong “vùng trũng” về giáo dục của cả nước, những thách thức mà giáo dục ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long phải đối mặt sẽ khó khăn hơn nhiều so với các vùng, miền khác; về số lượng và cơ cấu đội ngũ, tính theo định mức chung thì không thiếu nhiều, nhưng lại phân bố chưa đồng đều giữa các địa phương và chưa đồng đều ở các phân môn; cụ thể hơn, ở mỗi trường giáo viên có môn thừa nhiều, có môn thiếu nhiều; có nơi thiếu nhiều, nơi lại thừa nhiều, nơi nhiều giáo viên có chất lượng, có nơi lại nhiều giáo viên chưa đạt chuẩn. Vùng đồng bằng Sông Cửu Long hiện có 2.029 trường mầm non, 3.101 trường tiểu học, 1.407 trường THCS, 377 trường THPT, với 231.147 giáo viên, nhân viên. Theo thống kê từ 13 tỉnh/thành phố, năm học 2022-2023 cả vùng còn thiếu 11.637 giáo viên mầm non, 4.583 giáo viên tiểu học, 2.157 giáo viên THCS, 401 giáo viên THPT; đặc biệt, những loại hình giáo viên đang thiếu nhiều nhất là: tiếng Anh dạy tiểu học (910), tin học (650), mỹ thuật dạy THPT (420), âm nhạc dạy THPT (320), giáo dục Thể chất (280), quốc phòng và an ninh (230). Đồng thời, phải hoàn thành hoạt động bồi dưỡng giáo viên môn khoa học tự nhiên, lịch sử và địa lý, giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Chúng tôi cho rằng, tương tự như các vùng miền khác, đây là tác động lớn nhất để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long.

2.2.2. Đánh giá về thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học công nghệ: (1) "Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long", đề tài Nafosted, mã số VI2.3-2013.15; (2) "Nghiên cứu xây dựng và triển khai nội dung giáo dục địa phương cho học sinh tiểu học đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới", đề tài cấp Bộ, mã số: B.2010.SPD.02; (3) "Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục mới", đề tài cấp tỉnh, mã số 09/2021-ĐTXXH, được thực hiện bởi nhóm các nghiên cứu của Trường ĐH Đồng Tháp, cho thấy:

Tỷ lệ giáo viên cốt cán và giáo viên đạt danh hiệu dạy giỏi các cấp chưa nhiều; giáo viên có trình độ thạc sĩ trong các trường phổ thông còn thấp so với yêu cầu; năng lực ngoại ngữ còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong hội nhập quốc tế về giáo dục cũng như truy cập internet khai thác thông tin; nhiều giáo viên còn yếu về kiến thức chuyên ngành và thiếu kỹ năng mềm về hoạt động xã hội. Do vậy, một bộ phận giáo viên chưa nhận thức đầy đủ về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh và sử dụng thiết bị dạy học, nên việc dạy học theo chương trình, sách giáo khoa còn nhiều bất cập (dẫn theo Nguyễn Văn Đệ, 2015 và 2020).

Về nghiệp vụ sư phạm, một bộ phận giáo viên chưa nhận thức đầy đủ về đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh và sử dụng thiết bị dạy học; hoặc chưa hiểu đầy đủ cấu trúc chương trình, sách giáo khoa và các tài liệu dạy học, chưa làm chủ được chương trình và sách giáo khoa; do đó, việc thực hiện chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình gặp khó khăn. Mặt khác, một bộ phận khác giáo viên đang thiếu ý tưởng dạy học, hạn chế về năng lực tổ chức dạy học (thiết kế bài giảng theo phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học mới); hạn chế về khả năng khai thác và sáng tạo cơ hội trong dạy học để phát huy năng lực cho người học; lối dạy học thụ động (theo kiểu trả bài) chưa khơi dậy được sự hứng thú, đam mê cho người học, làm cho người học cũng quen lối học thụ động; thiếu tính đột phá và sáng tạo trong dạy học. Đặc biệt, một số giáo viên chưa thực sự thay đổi cách dạy theo hướng “dạy cách học - phương pháp học” mà vẫn nặng về “dạy kiến thức”, chưa chú trọng việc giáo dục nhân cách, giáo dục kỹ năng sống theo nếp sống có văn hóa cho học sinh; hoặc ngại thay đổi trước cái mới, có tâm lý tự thỏa mãn, có bấy nhiêu kiến thức phương pháp (vốn có) là dư sức để dạy cho học sinh mình rồi (dẫn theo Hồ Văn Thống, 2021).

Thiếu nhạy bén trong tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) vào quá trình dạy

học. Quá trình dạy học ngày nay đòi hỏi người giáo viên phải có một số kỹ năng tin học nhất định phục vụ cho hoạt động chuyên môn như: kỹ năng thiết kế giáo án điện tử, kỹ năng tìm kiếm tài liệu trên mạng, kỹ năng cập nhật thông tin... Thực tế cho thấy, nhiều giáo viên vẫn còn yếu những kỹ năng này; chẳng hạn, cần giáo án điện tử họ thường “copy” nguyên trên mạng và sử dụng không có chính kiến riêng của mình, hoặc nếu muốn thay đổi cho phù hợp với trình độ học sinh nơi giảng dạy lại không biết thao tác; và điều này, đã dẫn đến một thực trạng cùng một “mẫu giáo án” được nhiều giáo viên trong một trường, ngoài trường thao giảng như nhau... Trong khi đó tại các trường phổ thông, hoạt động bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng ICT cho giáo viên chưa được chú trọng. Từ đó, dẫn đến giáo viên chưa chủ động tích cực tự học, tự trang bị những kỹ năng rất cần thiết này cho bản thân (dẫn theo Hồ Văn Thống, 2021).

Đặc biệt, đội ngũ giáo viên còn hạn chế về khả năng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, vẫn nặng tính cát cứ bảo thủ, thiếu chia sẻ; Ý thức bồi dưỡng chuyên môn yếu một phần do khả năng tự bồi dưỡng, một phần do cách quản lý và tổ chức bồi dưỡng hiện còn nặng về hình thức, thậm chí còn hiện tượng giáo viên nhờ người viết báo cáo bồi dưỡng. Đồng thời, một bộ phận khác thiếu năng lực khai thác kinh nghiệm và vốn sống của học sinh; chưa phát huy hết trách nhiệm của từng giáo viên đối với nhà trường và học sinh; thiếu sự phối hợp giữa các lực lượng trong công tác giáo dục học sinh (Nguyễn Văn Đệ, Phan Trọng Nam 2015).

3. Đề xuất định hướng vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030

3.1. Định hướng những lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục ứng dụng phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông

Từ những luận cứ khoa học về vai trò mới của người giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổng quan về thực trạng đội ngũ giáo viên phổ thông ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long đã đề cập trong mục 2.1; với phương châm tiếp tục tìm “Vấn đề nghiên cứu khả thi”, chúng tôi xin gợi mở về lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục ứng dụng cần được quan tâm trong giai đoạn từ nay đến 2030 ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long là: (1) Phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên bao gồm tổng hợp tất cả các khâu kiến thức, phương pháp, kỹ năng, nghiệp vụ, tâm lý... để mỗi người giáo viên chủ động và phát huy được vai trò của mình trong mọi tình huống; (2) Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018; trong đó, sẽ có những hoạt động giáo dục và môn học mới (Giáo dục địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Công nghệ; Nghệ thuật; Giáo dục Kinh tế và Pháp luật...); (3) Xây dựng văn hóa nhà trường và giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân. Theo đó, các trường ĐH và cao đẳng SP tiếp tục thành lập, phát triển các nhóm nghiên cứu về lĩnh vực khoa học giáo dục ứng dụng như: (i) Quản lý Giáo dục; (ii) Giáo dục học; (iii) Phương pháp dạy học bộ môn; (iv) Tâm lý học; (v) Kinh tế và Pháp luật; (vi) Nghệ thuật.

3.2. Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của nhóm nghiên cứu

3.2.1. Xác định mục tiêu và chia sẻ kế hoạch cá nhân của các thành viên trong nhóm nghiên cứu

Việc chia sẻ kế hoạch cá nhân giữa các thành viên trong nhóm là rất cần thiết bởi nhóm phải biết rõ nguồn lực của mình và xác định mức độ khả thi khi kết hợp cùng nhau. Một số câu hỏi chính mà các thành viên nên trả lời để chia sẻ với nhau có thể kể tới: (i) Trong năm học này, bạn đặt ra những mục tiêu nào? (ii) Bạn dự định sẽ dành thời gian để thực hiện những hoạt động chính nào? (iii) Kỳ vọng của bạn khi tham gia nghiên cứu khoa học năm nay ? (Nguyễn Văn Đệ, Hồ Văn Thống, Phan Trọng Nam, 2022).

Nếu các thành viên trong nhóm không biết câu trả lời cho các câu hỏi trên của mỗi thành viên, khả năng nhóm bị “break” (tan rã) sẽ rất cao nếu có nhiều thành viên xếp hoạt động nghiên cứu nhóm ở mức độ ưu tiên quá xa con số 1. Cần chú ý rằng, sự cam kết là điều vô cùng quan trọng đối với một hoạt động dài hơi của nghiên cứu khoa học; nghĩa là, nếu thành viên quyết định tham gia nghiên cứu cùng nhóm thì cần có sự

cam kết, và tất nhiên phải điều chỉnh lại kế hoạch của mình để phù hợp với mục tiêu của nhóm.

Với một dự án nghiên cứu, việc đặt mục tiêu rất quan trọng vì nó sẽ định hướng cho tất cả các thành viên trong nhóm cần phải làm gì, và cần có trách nhiệm đối với mục tiêu đã cùng đặt ra. Theo đó: (i) Mục tiêu đầu tiên mà các nhóm nghiên cứu nên hướng đến, nhưng thường bị bỏ qua chính là mục tiêu “hoàn thành công trình nghiên cứu”; đây chính là sản phẩm không dễ dàng của hành trình này, và nó sẽ mang một cảm xúc rất lạ cho các tác giả; (ii) Mục tiêu thứ hai sẽ giúp nhóm đo lường được “chất lượng” của sản phẩm, thể hiện tương đối bằng thứ hạng giải của công trình nghiên cứu tại các hội nghị hoặc giải thưởng khoa học; khi nhóm biết rõ mục tiêu này và tất cả các thành viên cùng hướng đến thì nhóm sẽ có nhiều động lực để hành động với kết quả cao hơn (Nguyen Van De, Ho Van Thong, Phan Trong Nam, 2022).

Trước khi đi vào nghiên cứu sâu một vấn đề, ít nhất nhóm cần hình dung ra những thứ cơ bản mình sẽ làm, và những khó khăn hay các vấn đề có thể đối mặt; hãy tìm đến một nhà khoa học đã từng có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học hay một nhà khoa học mà bạn “hâm mộ”; đặc biệt, cần kết nối với những nhà khoa học đã từng tham gia và đạt giải thưởng cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học để được lắng nghe nhiều hơn những chia sẻ về những điều mà nhóm nghiên cứu sắp trải qua.

3.2.2. Phân chia vai trò và nhiệm vụ trong nhóm nghiên cứu

Đây cũng sẽ là một dịp để mỗi thành viên hiểu rõ hơn về nhau; đặc biệt, là các điểm mạnh, cũng như điểm yếu để giúp nhóm có thể kết hợp ăn ý nhất. Trong đó, trưởng nhóm (leader) sẽ là người thủ lĩnh của nhóm và thường có những tố chất nổi trội hơn các thành viên khác như có khả năng dẫn dắt, thuyết phục, biết truyền cảm hứng, lập kế hoạch, tổ chức tốt (phân chia công việc), giao tiếp tốt, có cái nhìn bao quát. Khi ấy, trưởng nhóm cần chia sẻ và thống nhất vai trò và trách nhiệm của mỗi vị trí để mỗi người hiểu rõ và quá trình làm việc được hiệu quả nhất.

3.2.3. Thống nhất nguyên tắc làm việc trong nhóm nghiên cứu

Sau khi đã xác định được mục tiêu, phân chia vai trò và nhiệm vụ nhóm (xin nhấn mạnh đây là mục tiêu chung mà tất cả các thành viên đã thống nhất), việc tiếp theo mà nhóm nên làm là thống nhất nguyên tắc làm việc trong nhóm. Điều này rất quan trọng bởi nó sẽ giúp nhóm nghiên cứu vận hành hiệu quả hơn, khi mà tất cả các thành viên đều ý thức được mình cần làm gì và không nên làm gì trong suốt quá trình cùng nhau làm việc. Bên cạnh đó, điều này còn giúp nhóm tránh xảy ra những phiền toái có thể xảy ra sau này nếu các thành viên trong nhóm bất đồng quan điểm liên quan đến cách thức làm việc.

Theo đó, các thành viên trong nhóm hãy dành thời gian để cùng thống nhất nguyên tắc làm việc, và khi đã thống nhất thì tất cả cần tôn trọng cùng làm theo. Không bất ngờ gì khi hoạt động này chiếm không ít thời gian với những nhóm làm việc nghiêm túc, vì để đưa đến những thống nhất chung về cách thức làm việc cho những người khác nhau không phải dễ dàng; do vậy, các thành viên trong nhóm có thể cần thuyết phục nhau để cùng đồng thuận những nguyên tắc của nhóm.

Tóm lại, với những hình dung cơ bản về hoạt động nghiên cứu; chúng tôi tin tưởng, các nhóm nghiên cứu ở các trường ĐH và Cao đẳng SP sẽ có hành trang để đi xa hơn – tìm đề tài nghiên cứu khả thi hơn. Hãy cố gắng có nhiều thời gian đọc, nghiên cứu và chọn được đề tài ưng ý nhất, gạt hái nhiều thành công trong hoạt động này sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

3.3. Các cơ chế đặc thù cho các cơ sở đào tạo giáo viên ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long

Bộ GD&ĐT cần tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo giáo viên ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, chủ trì thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học giáo dục của vùng.

Các cơ sở đào tạo giáo viên ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long cần quan tâm nhiều hơn nữa công tác phát triển đội ngũ; đặc biệt, là phát triển năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Trước mắt giao Trường ĐH Đồng Tháp chủ trì thực hiện nhiệm vụ “Phát triển năng lực nghề nghiệp,

quản lý nhà trường của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”.

4. Kết luận

Thực tế hiện nay, số giảng viên của các ĐH và cao đẳng SP ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long tham gia vào hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục ứng dụng phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa nhiều, chưa thường xuyên. Để khắc phục tình trạng đó, các trường/khoa SP ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long phải không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học với việc tạo điều kiện thuận lợi như: (i) Tăng cường hoạt động thông tin khoa học giữa các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; xây dựng môi trường thông tin và chia sẻ những tri thức được cập nhật, tạo điều kiện cho giảng viên nắm bắt được nhiều sự kiện; (ii) Hình thành mạng liên kết giữa các trường/khoa SP trong vùng và trong cả nước thông qua các nhóm nghiên cứu mạnh; coi đó là giải pháp cơ bản trước mắt, vừa là giải pháp thường xuyên, lâu dài trong chiến lược trung hạn hay dài hạn nhằm đảm bảo tính thống nhất để phát triển.

Chúng tôi tin rằng, với sự năng động, ý chí vươn lên mạnh mẽ của đội ngũ giảng viên và giáo viên phổ thông, hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục ứng dụng của vùng đồng bằng Sông Cửu Long sẽ chứng kiến những đổi thay rõ rệt theo hướng tích cực, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ qua các đề tài: (1) “Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long”, đề tài Nafosted, mã số VI2.3-2013.15; (2) “Xây dựng và triển khai thử nghiệm các mô hình thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh tỉnh Đồng Tháp”, mã số 08/2021-ĐTXH; (3) “Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục mới”, đề tài cấp tỉnh, mã số 09/2021-ĐTXH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ GD&ĐT (2018). Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- [2] Bộ KH&CN (2010). Thông tư 02/2010/TT-BKH&CN của Bộ KH&CN ban hành ngày 18/3/2010 về việc “Hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN”.
- [3] Chính phủ (2014). Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 25/10/2014 về việc “Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học”.
- [4] Hồ Văn Thống - Chủ nhiệm đề tài (2021). Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục mới. Đề tài cấp tỉnh, mã số 09/2021-ĐTXH.
- [5] Nguyễn Văn Đệ - Chủ nhiệm đề tài, (2015). Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giáo viên ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Đề tài Nafosted, mã số VI2.3-2013.15.
- [6] Nguyễn Văn Đệ, Phan Trọng Nam, (2015). Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên ở các trường THPT và trung cấp chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tạp chí Giáo dục, 371(1), 5-7.
- [7] Nguyễn Văn Đệ - Chủ nhiệm đề tài, (2021). Xây dựng và triển khai thử nghiệm các mô hình thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh tỉnh Đồng Tháp. Đề tài cấp tỉnh, mã số 08/2021-ĐTXH;
- [8] Nguyen Van De, Luong Thanh Tan, Phan Trong Nam, Danh Trung, Vo Phuong Vy (2021). Discussion on research capability of teachers in pedagogical universities/faculties to meet the requirement of the new general education curriculum 2018. Journal of science, Dong Thap University, Vol. 10, No. 6, pp. 3-7.
- [9] Nguyen Van De, Ho Van Thong, Phan Trong Nam (2022). Improving the effectiveness of research groups at Dong Thap University. Journal of science, Dong Thap University, Vol. 11, No. 3, pp. 3-7.
- [10] Thomas Armstrong, (2011). Đa trí tuệ trong lớp học. Lê Quang Long (dịch) - Lê Thị Kim Dung (hiệu đính), Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

ABSTRACT**Orientations to conducting educational scientific research on general education renovation in the Mekong delta region to the year 2030**

This article aims to discuss the roles of teachers adapting to the impacts of global integration and the requirements of the Renovation of General Education 2018, simultaneously, basing on the results of the MOET-level and province-level science and technology research - Nafosted , this also analyzes the developing process and the reality of teaching staff in schools in the Mekong Delta, hence to propose orientations to conducting educational scientific research on general education renovation in the region to the year 2030.

Keywords: Orient; Scientific research scopes; The General Education Curriculum.